

NGHỊ QUYẾT

**Về “Phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030 và chính sách khen thưởng đối với học sinh
đạt giải cao tại các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”**

Người ký: Sở Tư pháp
Email:
sotp@quangtri.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Quảng
Trị
Chức vụ: Sở Tư pháp
Thời gian ký:
05.08.2019 07:35:12
+07:00

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

*Căn cứ Luật giáo dục ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

*Xét Tờ trình số 3027/TTr-UBND ngày 05 tháng 07 năm 2019 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát triển Trường Trung học phổ thông
chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Báo cáo thẩm tra
của Ban văn hóa - xã hội; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc “Phát triển Trường trung học phổ thông (THPT)
chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và chính sách khen
thưởng đối với học sinh đạt giải cao tại các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” với
các nội dung chủ yếu sau:

I. Phát triển trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đến năm 2025, định hướng
đến năm 2030

1. Mục tiêu chung: Tiếp tục xây dựng và phát triển Trường THPT chuyên Lê
Quý Đôn trở thành cơ sở giáo dục trung học có chất lượng giáo dục cao, đạt chuẩn
quốc gia; có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại. Đảm bảo
thực hiện nhiệm vụ phát hiện, bồi dưỡng những học sinh có tư chất thông minh,
đạt kết quả xuất sắc trong học tập, và đạt thành tích cao tại các cuộc thi trong nước,
khu vực và quốc tế. Nhằm đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân tài, đáp ứng
yêu cầu phát triển của tỉnh, của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại
hoá và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025:

+ củng cố, xây dựng và phát triển Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn sẽ có
33 lớp, 990 học sinh.

+ Có cơ sở vật chất kỹ thuật chất lượng cao, ngang tầm với các trường trung
học phổ thông chuyên trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

+ Trên 50% giáo viên đạt trình độ thạc sĩ, 8 - 10% giáo viên đạt trình độ tiến
sĩ; 100% giáo viên giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, sử dụng thành thạo Tin học và

thiết bị dạy học hiện đại; 50% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng được ngoại ngữ trong giảng dạy và giao tiếp; có đội ngũ giáo viên chất lượng cao của tất cả các môn học.

+ Có ít nhất 70% học sinh nhà trường xếp loại học lực giỏi; trên 50% (số học sinh dự thi) đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia; có học sinh dự thi Olympic Khu vực, Quốc tế; 70% học sinh giỏi, khá về Tin học; 30% học sinh đạt bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Hợp tác đào tạo, bồi dưỡng với ít nhất từ 02 đến 05 cơ sở giáo dục có uy tín trong khu vực, quốc tế.

- Đến năm 2030:

+ Có 70% giáo viên có trình độ thạc sĩ, 10 - 15% cán bộ quản lý, giáo viên đạt trình độ tiến sĩ và trên 70% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng được ngoại ngữ trong giảng dạy và giao tiếp.

+ Có ít nhất 80% học sinh được xếp loại học lực giỏi; trên 70% (số học sinh dự thi) đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia; có học sinh dự thi Olympic Khu vực, Quốc tế; 90% học sinh giỏi, khá về Tin học; 50% học sinh đạt bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Chính sách hỗ trợ cho giáo viên và học sinh được chi từ nguồn ngân sách chi thường xuyên của tỉnh (*Kèm theo phụ lục I*)

4. Kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí thực hiện là: 85,00 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đối ứng địa phương: 29,91 tỷ đồng;

- Vốn Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (ADB): 12,04 tỷ đồng;

- Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương (nguồn trái phiếu Chính phủ và nguồn Chương trình mục tiêu): 32,00 tỷ đồng.

- Nguồn xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp khác: 11,05 tỷ đồng.

b) Các hạng mục đầu tư:

- Xây dựng cơ bản và sửa chữa: 50,00 tỷ đồng;

- Mua sắm trang thiết bị: 25,00 tỷ đồng;

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phụ trách phòng học bộ môn và học sinh: 5,00 tỷ đồng;

- Hợp tác trong nước và quốc tế: 5,00 tỷ đồng.

c) Phân kỳ đầu tư

- Giai đoạn 2019 - 2020: Tổng mức đầu tư là: 14,95 tỷ đồng; Trong đó:

Vốn đối ứng địa phương: 2,91 tỷ đồng; vốn Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (ADB): 12,04 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tổng mức đầu tư là: 32,00 tỷ đồng; Trong đó:

Vốn đối ứng địa phương: 12,00 tỷ đồng; Vốn Trung ương (nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn vốn Chương trình mục tiêu) là: 15,00 tỷ đồng; Nguồn xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp khác là: 5,00 tỷ đồng;

- Giai đoạn 2026-2030: Tổng mức đầu tư là: 38,05 tỷ đồng. Trong đó:

Vốn đối ứng địa phương: 15,00 tỷ đồng; Vốn ngân sách Trung ương (nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn vốn Chương trình mục tiêu) là: 17,00 tỷ đồng; Nguồn xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp khác là: 6,05 tỷ đồng.

II. Chính sách khen thưởng đối với học sinh đạt giải cao tại các kỳ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Học sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp quốc gia, khu vực, quốc tế và các cuộc thi tương đương khác được khen thưởng theo quy định của Nghị quyết này *(Kèm theo phụ lục II)*

Kinh phí thực hiện: Chi từ nguồn khen thưởng của tỉnh

Điều 2.

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2019. *ph*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VPQH, VPCTN, VPCP;
- Các Bộ: GDĐT, Tài chính, KHĐT;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, TAND, VKSND tỉnh;
- VPTU, VPHĐND, VPUBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND cấp huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, VHXX.

136

CHỦ TỊCH *2*



Nguyễn Văn Hùng



Phụ lục I

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tỷ lệ theo mức lương cơ sở (%)	Mức chi
I	Hỗ trợ chi phí học tập thường xuyên			
1	Học sinh hộ nghèo trong toàn tỉnh, dân tộc thiểu số ở các xã miền núi khó khăn	đồng/tháng/ học sinh	0.30	447.000
2	Học sinh cư trú vùng nông thôn, thị trấn, thị xã ... ngoài TP Đông Hà	đồng/tháng/ học sinh	0.20	298.000
II	Mức học bổng khuyến khích học tập			
1	Đối với học sinh xét điểm môn chuyên	đồng/tháng/ học sinh		
1.1	Loại 1		0.50	745.000
1.2	Loại 2		0.60	894.000
2	Đối với học sinh đạt giải Quốc gia	đồng/tháng/ học sinh		
2.1	Giải nhất		0.80	1.192.000
2.2	Giải nhì		0.70	1.043.000
2.3	Giải ba		0.65	968.500
2.4	Giải khuyến khích		0.60	894.000
3	Đối với học sinh đạt giải Quốc tế	đồng/tháng/ học sinh		
3.1	Huy chương vàng		1.10	1.639.000
3.2	Huy chương bạc		1.00	1.490.000
3.3	Huy chương đồng		0.90	1.341.000
3.4	Giải khuyến khích		0.80	1.192.000
4	Đối với học sinh đạt giải khu vực	đồng/tháng/ học sinh		
4.1	Huy chương vàng		0.90	1.341.000
4.2	Huy chương bạc		0.80	1.192.000
4.3	Huy chương đồng		0.70	1.043.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tỷ lệ theo mức lương cơ sở (%)	Mức chi
4.4	Giải khuyến khích		0.65	968.500
III	Chế độ hỗ trợ tham gia bồi dưỡng			
1	Đối với học sinh			
1.1	Thi Quốc gia			
	Chi tiền sinh hoạt phí cho học sinh trong những ngày tập huấn	Người/ngày	0.10	149.000
	Chi tiền ăn cho học sinh trong những ngày thi	Người/ngày	0.20	298.000
	Hỗ trợ trang phục cho các em trong đội tuyển	Lần	0.40	596.000
1.2	Tham gia đội dự tuyển khu vực và Quốc tế			
	Chi tiền sinh hoạt phí cho học sinh trong những ngày dự thi	Người/ngày	0.15	223.500
	Chi tiền ăn cho học sinh trong những ngày dự thi	Người/ngày	0.20	298.000
2	Đối với giáo viên			
2.1	Thi Quốc gia			
	Giáo viên trong tỉnh	Tiết	0.20	298.000
	Giáo viên thỉnh giảng (Mức tối đa)	Tiết	0.50	745.000
2.2	Tham gia giảng dạy đội dự tuyển khu vực và Quốc tế			
	Giáo viên trong tỉnh	Tiết	0.25	372.500
	Giáo viên thỉnh giảng (Mức tối đa)	Tiết	0.60	894.000
IV	Chế độ cho Hội đồng tập huấn đội tuyển học sinh giỏi dự thi Quốc gia...	Người/ngày		
1	Chủ tịch			130.000
2	Phó Chủ tịch			120.000
3	Thư ký			110.000
4	Chủ nhiệm đội tuyển			130.000
5	Phục vụ			60.000



Phụ lục II

**CHẾ ĐỘ KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN
ĐẠT GIẢI CAO TẠI CÁC KỲ THI**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
I	Đối với học sinh	Đồng/giải	
1	Đối với học sinh đạt giải Quốc gia		
1.1	Giải nhất		20.000.000
1.2	Giải nhì		10.000.000
1.3	Giải ba		8.000.000
1.4	Giải khuyến khích		5.000.000
2	Đối với học sinh đạt giải Quốc tế		
2.1	Huy chương vàng		60.000.000
2.2	Huy chương bạc		40.000.000
2.3	Huy chương đồng		20.000.000
2.4	Giải khuyến khích		10.000.000
3	Đối với học sinh đạt giải khu vực Quốc tế		
3.1	Huy chương vàng		48.000.000
3.2	Huy chương bạc		32.000.000
3.3	Huy chương đồng		16.000.000
3.4	Giải khuyến khích		8.000.000
II	Đối với giáo viên	Đồng/giải	
1	Thưởng cho GV, tổ GV tham gia bồi dưỡng có học sinh đạt giải Quốc gia và Quốc tế		
	Giải nhất Quốc gia		20.000.000
	Giải nhì Quốc gia		10.000.000
	Giải ba Quốc gia		8.000.000
	Giải khuyến khích Quốc gia		5.000.000
	Huy chương vàng Quốc tế		42.000.000
	Huy chương bạc Quốc tế		28.000.000
	Huy chương đồng Quốc tế		14.000.000
	Giải khuyến khích Quốc tế		7.000.000
2	Thưởng cho GV, tổ GV tham gia bồi dưỡng có học sinh đạt giải khu vực Quốc tế		
	Huy chương vàng KV Quốc tế		33.600.000
	Huy chương bạc KV Quốc tế		22.400.000
	Huy chương đồng KV Quốc tế		11.200.000
	Giải khuyến khích KV Quốc tế		5.600.000